



小学生

xiǎoxuéshēng · tiểu học sinh · học sinh tiểu học

xiǎo

丿 勹 小

小 小 小 小

xué

丶 勹 勹 勹 勹 学 学 学

学 学 学 学

shēng

丿 勹 勹 牛 生

生 生 生 生